TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/DS-ST
Ngày 09-6-2021
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Duy Cảnh.

2. Ông Nguyễn Danh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông A Dáo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Trần Bá Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2021/TLST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng C, địa chỉ: Số 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th- Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ch – Phó Giám đốc NHCSXH - Chi nhánh tỉnh K, địa chỉ: 309 D, thành phố K, tỉnh K, có mặt;

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1969, địa chỉ: Tổ 5, phường tr, thành phố K, tỉnh K, vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967, địa chỉ: Tổ 5, phường tr, thành phố K, tỉnh K, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Ngày 26/04/2005 Ngân hàng C – Chi nhánh K (Sau đây gọi tắt là: Ngân hàng) cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Kim L vay số tiền 5.000.000 đồng theo chương trình cho vay hộ nghèo để chăn nuôi bò, lãi suất 0,5%/tháng, lãi quá hạn

0.65%/tháng, lãi trả hàng tháng; thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ vào ngày 26/04/2008, theo mã món vay số 60000043000012575, người đứng tên vay bà L với tư cách đại diện hộ, người thừa kế ông Nguyễn Văn C là chồng bà L. Hộ bà L đã trả được 816.667 đồng lãi trong hạn và 2.473.166 đồng lãi quá hạn, sau đó không thực hiện trả nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận. Tính đến ngày 09/6/2021, hộ bà L còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 778.930 đồng.

Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà L và ông C cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ gốc và lãi là 5.778.930 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 09/6/2021 đến khi trả hết nợ, theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng vay.

- **Bị đơn** bà L và người liên quan ông Ckhông thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không thực hiện quyền, nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp của mình.

- Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật;

Bà L, ông C thường xuyên vắng mặt nơi cư trú; chính quyền địa phương không biết ông bà đi đâu và khi nào quay trở về nhà. Do đó Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú và tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 280, 282, 463, 466, 470, 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS); chấp nhận đơn khởi kiện của ngân hàng, buộc bà L và ông Ctrả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là 5.778.930 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 09/6/2021 đến khi trả hết nợ. Bà L và ông Cphải án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

- Ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay vốn tín dụng đối với bà L. Tại thời điểm thụ lý thì bà L có nơi cư trú tại tổ 5, phường Tr, thành phố K. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

- Sau khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần đến nhà để tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà L và ông C, nhưng ông bà không có ở nhà. Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, thì xác định được bà L và ông Ccó đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại địa chỉ: Tổ 5, phường Tr, thành phố K. Tuy nhiên hiện nay gia đình bà L thường xuyên vắng mặt ở nhà, chính quyền không biết gia đình bà L, ông Cđi đâu và khi nào quay trở về nhà. Do đó Tòa án đã niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố

tụng tại nơi cư trú của họ để làm căn cứ giải quyết vụ án theo quy định.

- Bà L và ông C đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà L và ông C.

- Về áp dụng pháp luật: Hợp đồng vay vốn tín dụng giữa bà L với ngân hàng được xác lập trước ngày BLDS 2015 có hiệu lực, hợp đồng đang được thực hiện và có nội dung, hình thức phù hợp với BLDS 2015, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 BLDS 2015, Tòa án áp dụng quy định của BLDS 2015 để giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của ngân hàng buộc bà L và ông C cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ gốc và lãi suất cho ngân hàng, xét thấy:

Theo Sổ vay vốn; Sổ theo dõi cho vay và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định vào ngày 26/04/2005 hộ bà L vay Ngân hàng số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 0,5%/tháng, lãi quá hạn 0.65%/tháng, lãi trả hàng tháng; thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 26/04/2008. Hộ bà L đã trả được 816.667 đồng lãi trong hạn và 2.473.166 đồng lãi quá hạn. Sau đó hộ bà L đã vi phạm hợp đồng, không trả gốc và lãi suất theo thỏa thuận. Tính đến ngày 09/6/2021 còn nợ số tiền gốc 5.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn là 778.930 đồng.

Trong Sổ vay vốn có quy định, hộ gia đình có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay theo thỏa thuận, chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thỏa thuận về việc trả nợ; khi vay vốn bà L và ông Ccùng cam kết "*Chúng tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đầy đủ, đúng hạn; chấp hành đúng quy định cho vay của Ngân hàng*".

Từ nhận định trên, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, buộc bà L và ông C cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi suất là 5.778.930 đồng và tiền lãi suất phát sinh từ sau ngày 09/6/2021 đến khi trả hết nợ.

[2] Về án phí: Bà L và ông C phải trả cho ngân hàng số tiền 5.778.930 đồng , nên chịu 288.900 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b, d khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 282, 463, 466, 470, 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự. Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đề ngày 26/02/2021 của Ngân hàng C đối với bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn C;

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn C cùng có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng C – Chi tỉnh nhánh tỉnh K số tiền nợ gốc và lãi suất

tính đến ngày 09/6/2021 là **5.778.930 đồng** (Năm triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm ba mươi đồng).

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL, ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn Văn C cùng phải chịu 288.900 *(hai trăm tám tám nghìn, chín trăm)* đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/6/2021). Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP. Kon Tum;
- Chi cục THADS TP.Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Xuân Hoài